

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 05-09-2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Hồng.

*Hội Thẩm Nhân Dân:* ông Bùi Văn Ớn; bà Bùi Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:** ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 /07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23A/QĐST-HNGĐ ngày 13/08/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: **xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình**. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: **xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị **Bùi Thị H** trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Bùi Văn T** kết hôn với nhau tháng 01 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hoà Bình**. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau nên chị **H** xin ly hôn.

2. Về con chung: chị **H** và anh **T** có 02 con chung là **Bùi Anh T1**, sinh ngày 14/11/2008; **Bùi Tuấn K**, sinh ngày 05/11/2010. Hiện các con còn nhỏ và đang ở với anh **T**, chị **H** đi làm ăn xa nên khi ly hôn chị **H** đề nghị giao cả 02 con chung cho anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung để tạo điều kiện cho con sinh sống và học tập ổn định. Chị **H** sẽ có trách nhiệm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mà chưa yêu cầu Tòa án ghi nhận.

3. Về tài sản: chưa yêu cầu giải quyết;

4. Về công nợ chung: chị **H** khai không có.

Ngoài ra chị **H** không có yêu cầu gì thêm.

*Anh **T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Tòa án.*

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh **T** được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Chị **H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, chị **H** là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** với anh **T** là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị **H** là phù hợp các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản: chị **H** khai chưa yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung: chị **H** khai nhận không có. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn mà bị đơn anh **Bùi Văn T** có nơi cư trú tại **xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình** nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị **Bùi Thị H** và anh **Bùi Văn T**: Anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị **H** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, chị **H** theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về phong cách sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Anh **T** không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị **H** xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **T** là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị **H** và anh **T** có 02 con chung là **Bùi Anh T1**, sinh ngày 14/11/2008; **Bùi Tuấn K**, sinh ngày 05/11/2010. Hiện các con còn nhỏ và đang ở với anh **T**, chị **H** đi làm ăn xa nên khi ly hôn chị **H** đề nghị giao cả 02 con chung cho anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung để tạo điều kiện cho các con sinh sống và học tập ổn định.

[3.1] Về yêu cầu nuôi con: Hội đồng xét xử thấy, dù anh **T** vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, không có văn bản gửi đến Tòa thể hiện nguyện vọng nuôi con; Tòa án không thể tiến hành lấy ý kiến của các con do anh **T** và các con không hợp tác nhưng hiện cháu **T1**, cháu **K** đang ở với anh **T**, chị **H** đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy anh **T** có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014 thấy cần giao cả 02 con chung cho anh **T** trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, chị **H** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật HN&GD năm 2014.

[3.2] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh **T** chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị **H** trình bày sẽ có trách nhiệm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mà chưa yêu cầu Tòa án ghi nhận; kết quả xác minh tại địa phương cho thấy anh **T** có đầy đủ điều kiện nuôi con do đó HĐXX chấp nhận và chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật HN&GD năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4]. Về tài sản; công nợ chung: chị **H** khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[6]. Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật HN&GD năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị H** đối với anh **Bùi Văn T** về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị H** được ly hôn anh **Bùi Văn T**.
2. Về con chung: Giao con chung là **Bùi Anh T1**, sinh ngày 14/11/2008; **Bùi Tuấn K**, sinh ngày 05/11/2010 cho anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc,



giáo dục từ tháng 09/2024 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên chưa yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Chị **H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền số **0002157** ngày **17/11/2023** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị **H** không phải nộp án phí nữa.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

5. *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Chí Đạo theo GCNKH số 05 ngày 18/01/2008;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng**



